



BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA TCVN 6477-2011 VÀ TCVN 6477-2016

stt	Chỉ tiêu	TCVN 6477-2011	TCVN 6477-
1	Tài liệu viện dẫn	TCVN 2682:2009, Xi măng poóc lăng - Yêu cầu kỹ thuật. TCVN 6260:2009, Xi măng poóc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật. TCVN 6355-4:2009, Gạch xây - Phương pháp thử - Xác định độ hút nước. TCVN 7572-6:2006, Cốt liệu cho bê tông và vữa - Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	Thêm tiêu chuẩn: TCVN 4506:2012, Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật TCVN 7569:2007, Xi măng alumin.
2	Phân loại	Phân loại theo kích thước tiêu chuẩn và dị hình	Phân loại Theo đặc điểm cấu tạo: gạch đặc (GD) và gạch rỗng (GR)
		Phân loại theo cường độ nén : có 6 loại cường độ: M3.5, M5.0, M7.5, M10.0, M15.0, M20.0	Phân loại theo cường độ nén : có 7 loại thêm loại M12.5
3	Kí hiệu quy ước	Ký hiệu viên gạch bê tông được ghi theo thứ tự sau: loại-mác-chiều rộng-số hiệu tiêu chuẩn.	Ký hiệu viên gạch bê tông được ghi theo thứ tự sau: loại-mác- chiều dài x chiều rộng x chiều cao -số hiệu tiêu chuẩn.
	Sai lệch kích thước	Giống nhau:	
4	Độ dày thành ở vị trí nhỏ nhất	quy định chung cho các loại gạch: không nhỏ hơn 20mm	Có 2 loại: Gạch công nghệ rung ép: 20mm. Gạch công nghệ ép tĩnh :10mm

5	Khuyết tật ngoại quan	số vết nứt các góc cạnh sâu từ 5mm đến 10mm , dài 10mm đến 15mm: không quá 4 với gạch thường và 2 với gạch trang trí.	số vết nứt các góc cạnh sâu từ 5mm đến 10mm , dài 10mm đến 15mm không quá 2 với gạch thường và 0 với gạch trang trí.(yêu cầu khắt khe hơn)
		Vết nứt sâu hơn 10mm, dài hơn 15mm: Không quy định	Không cho phép có vết nứt này(yêu cầu khắt khe hơn)
		Số vết nứt có chiều dài không quá 20mm không lớn hơn 1(gạch thường) và 0(gạch trang trí)	Không cho phép có vết nứt này(yêu cầu khắt khe hơn)
6	Chiều dày vị trí nhỏ nhất	Quy định chung cho độ dày của các thành viên gạch ở vị trí nhỏ nhất: không nhỏ hơn 20mm	Phân làm 2 loại: + đối với gạch sản xuất theo công nghệ rung ép không nhỏ hơn 20mm + gạch sản xuất theo công nghệ ép tĩnh : không nhỏ hơn 10mm
7	Cường độ nén	có 6 loại cường độ: M3.5, M5.0, M7.5, M10.0, M15.0, M20.0	Bổ sung thêm 1 loại cường độ : M12.5
8	Độ hút nước	M3.5, M5.0, M7.5: là 14% M10.0, M15.0, M20.0: 12%	Giảm độ hút nước của M7.5: 12%
9	Độ thấm nước	Độ thấm nước của gạch xây tường không trát không lớn hơn 0,35l/m ² .h	Quy định thêm độ thấm nước đối với tường có trát là 16l/m ² .h

10	Lấy mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian lấy mẫu: Không quy định - Cỡ lô: + Gạch có thể tích $10\text{dm}^3/\text{v}$: 30.000v + Gạch kích thước khác: 60.000v	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định thời gian lấy mẫu: 28 ngày kể từ ngày sản xuất - Cỡ lô: + Gạch có thể tích lớn hơn $10\text{dm}^3/\text{v}$: 50.000v + $10\text{dm}^3/\text{v} \geq$ Gạch có kích thước $2\text{dm}^3/\text{v}$: 100.000v
11	Kiểm tra kích thước các chiều viên gạch	Đo chiều dài, chiều rộng và chiều cao bằng thước lá. Mỗi chiều đo tại bốn vị trí thuộc về chiều đó. Ghi các kết quả riêng lẻ và tính giá trị trung bình 4 lần đo.	Đo chiều dài, chiều rộng và chiều cao bằng thước lá. Mỗi chiều đo tại ba vị trí (ở hai đầu cách mép 20 mm và giữa). Ghi các kết quả riêng lẻ và tính giá trị trung bình 3 lần đo.
12	Thí nghiệm cường độ nén mẫu	Khi cần thử nhanh, có thể dùng xi măng nhôm loại AC40 hoặc thạch cao khan để trát làm phẳng bề mặt viên gạch. Sau đó mẫu thử được để trong phòng thí nghiệm ở điều kiện tự nhiên không dưới 16 h rồi mới đem thử.	Khi cần thử nhanh, có thể dùng xi măng alumin phù hợp TCVN 7569:2007 hoặc thạch cao khan để trát làm phẳng bề mặt viên gạch. Sau đó mẫu thử được để trong phòng thí nghiệm ở điều kiện tự nhiên không dưới 16 h rồi mới đem thử.
12	Nguyên tắc xác định độ thấm nước	Xác định thể tích nước thấm qua mẫu thử trong một đơn vị thời gian trên một đơn vị diện tích.	Xác định thể tích nước thấm qua mẫu thử (đã bão hòa nước) trong một đơn vị thời gian trên một đơn vị diện tích.
13	Ghi nhãn	Chỉ cần không ít hơn 50% số gạch trong lô. - Gạch trong lô có ký hiệu cầu cơ sở sản xuất	Quy định chi tiết và bắt buộc với tất cả các Pallet. - Ngoài ký hiệu Trên pallet phải có tên cơ sở sản xuất còn phải có: + Số hiệu lô sản phẩm; + Ký hiệu loại sản phẩm theo quy định tại Điều 3.3 của tiêu chuẩn này; + ngày, tháng, năm sản xuất;